

Số: 32/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các điều 5, 212, 213, 149 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 55, Điều 58, các khoản 1 và 2 Điều 81, các điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 17 của Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ D, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh; Căn cước công dân số: 036187001559, cấp ngày: 17/5/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1;

2. Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ D, khu A, phường H, tỉnh Quảng Ninh; Căn cước công dân số: 031081003222, cấp ngày: 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16/01/2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 5 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường H, tỉnh Quảng Ninh) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hoà hợp, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng cùng thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn L có 03 (ba) con chung là Nguyễn Lê Thiên V sinh ngày 27/11/2008, Nguyễn Lê Linh C sinh ngày

20/10/2011 và Nguyễn Lê Quang K sinh ngày 15/7/2015. Khi ly hôn, anh chị thống nhất: chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Lê Thiên V và Nguyễn Lê Linh C cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Lê Quang K cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn L xác định không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn L thỏa thuận: chị Lê Thị D là người chịu toàn bộ lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: chị Lê Thị D có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Lê Thiên V, sinh ngày 27/11/2008 và Nguyễn Lê Linh C, sinh ngày 20/10/2011 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi); anh Nguyễn Văn L có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Lê Quang K, sinh ngày 15/7/2015 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị D và anh L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Lê Thị D tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001845 ngày 11/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ninh. Chị Lê Thị D đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - QN;
- UBND phường Hà Tu;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Lâm